TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2022
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Ông Phùng Văn Thông

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 251/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT: Khu 6, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2021 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình

bày: Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 22/10/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau ngày cưới vợ chồng đi làm ăn tại thị xã S, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống vợ chồng sảy ra mâu thuẫn,nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về ý ăn, ý ở và cách nuôi dạy các con dẫn đến thường hay sảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Từ tháng 6/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh về ở tại thị trấn T còn chị T và các con đang ở tổ 5, phường F, thị xã S, tỉnh Lào Cai, thi thoảng anh H có gọi điện thoại cho chị T để nói chuyện thì vợ chồng thường hay cãi vã nhau trên điện thoại, ngoài ra vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm, chị T thường nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng chung sống không có tình cảm. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng theo như anh Nguyễn Văn H đã trình bày là đúng, còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác tên là Nguyễn Thị T ở tỉnh Hưng Yên (là người yêu cũ của anh H), chị có đọc tin nhắn điện thoại của anh H và bắt gặp anh H cùng chị T tại nhà nghỉ ở Hưng Yên, sau đó vợ chồng có cãi nhau, anh H lúc đầu có thừa nhận quan hệ ngoại tình và không có ý định bỏ vợ, sau đó chị có tìm gặp chị T để nói chuyện thì anh H đòi ly hôn với chị. Quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án, chị đã nhiều lần động viên và mong anh về đoàn tụ cùng chị nuôi dạy các con nhưng đến nay anh H không thay đổi mà vẫn giữ quan điểm xin ly hôn chị nên chị cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia H sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị T ở thị xã S. Ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia B, để chị T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Gia H vì lý do tại phiên tòa cháu Nguyễn Gia H có nguyện vọng muốn được ở với chị T nên anh tôn trọng quyền quyết định của con. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 5.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2015, giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 30/10/2011 (hiện nay các con đang ở cùng với chị T), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Văn H có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, tuy hiện nay chị T đang tạm trú tại Tổ 5, phường FanxiPang, thị xã SaPa, tỉnh Lào Cai nhưng chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là nơi giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa chị với anh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng sảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên anh chị sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay. Nay anh Nguyễn Văn H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với chị T, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T cũng đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H và chị T là thực tâm, tự nguyện vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/10/2011 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/01/2015, hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với chị T. Xét điều kiện nuôi con của các bên, cũng như qua xác minh tại địa phương nơi cư trú cho biết anh H và chị T đều có đủ điều kiện về kinh tế và thu nhập để nuôi con. Tại phiên tòa anh H có nộp bảng thanh toán tiền lương và thu nhập trong khoảng thời gian tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12 với mức thu nhập hàng tháng là từ 6 - 11 triệu đồng/tháng. Bản thân chị T làm kinh doanh tự do nên việc chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung sẽ khó khăn. Do vậy cần thiết phải giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với điều kiện kinh thế cũng như thu nhập của các bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Nay để đảm bảo việc chăm sóc con chung được ổn định, cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2015, giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 30/10/2011 (hiện nay các con đang ở cùng với chị T), anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó có nghĩa là việc chị T xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2015, giao chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 30/10/2011 (hiện nay các con đang ở cùng với chị T). Anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005271 ngày 07/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải